

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
...oOo...

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01-TPBS/MCM/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm.

Tên tổ chức, cá nhân: **Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu.**

Địa chỉ: Số 912, đường Thảo Nguyên, phường Thảo Nguyên, thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La, Việt Nam.

Điện thoại: 02123. 866065.

Email: Mocchaumilk@mcmilk.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 5500154060

Số giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn FSSC 22000: VN011682 do Công ty TNHH Bureau Veritas Certification Holding SAS, chi nhánh UK chứng nhận và cấp ngày 21/02/2024

II. Thông tin về sản phẩm.

1. **Tên sản phẩm:** Thực phẩm bổ sung: **Sữa dinh dưỡng MC Colos – Mộc Châu Milk.**

2. **Thành phần:** Sữa tươi (96,2%), đường, đạm whey, sữa non (195 mg/100ml), chất ổn định (471, 407, 401, 412, 452(i)), hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm, hỗn hợp vitamin và khoáng chất (kẽm oxyd, natri selenit, A, D3, K2).

Thông tin cảnh báo: Có chứa sữa.

3. **Thời hạn sử dụng sản phẩm:**

Hạn sử dụng: Xem trên hộp.

Ngày sản xuất: 6 tháng trước hạn sử dụng.

4. **Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì.**

- Quy cách đóng gói: Thể tích thực 110 ml/hộp.

- Chất liệu bao bì: Bao bì 6 lớp được hàn kín đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

5. **Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm.**

Sản xuất tại Việt Nam bởi Công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu.

Địa chỉ: Số 912, đường Thảo Nguyên, phường Thảo Nguyên, thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm.

Phụ lục đính kèm.



IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm.

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Theo quy định của văn bản kỹ thuật: QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn tối đa
1	Enterobacteriaceae	CFU/g	< 1
2	L. monocytogenes	CFU/g	≤ 100

- Theo quy định của văn bản kỹ thuật: QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn tối đa
1	Chì	mg/kg	0,02
2	Arsen	mg/kg	0,5
3	Cadmi	mg/kg	1,0
4	Thủy ngân	mg/kg	0,05

- Theo quy định của văn bản kỹ thuật: QCVN 8-1:2011/BYT đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,5

- Thông tư số 24/2013/TT-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn tối đa
1	Benzylpenicilin/Procain benzylpenicilin	µg/kg	4
2	Clortetracyclin/Oxytetracyclin/Tetracyclin	µg/kg	100
3	Dihydrostreptomycin/Streptomycin	µg/kg	200
4	Gentamicin	µg/kg	200
5	Spiramycin	µg/kg	200

- Thông tư số 50/2016/TT-BYT: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn tối đa
1	Endosulfan	mg/kg	0,01
2	Aldrin và dieldrin	mg/kg	0,006
3	Cyfluthrin	mg/kg	0,04
4	DDT	mg/kg	0,02

154060 - C
JG TY
CP
BỘ SỬA
CHẤU
HẬU - T. SỐ

- Quyết định 38/2008/QĐ-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa của melamin nhiễm chéo trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn tối đa
1	Melamin	mg/kg	2,5

- Tiêu chuẩn nhà sản xuất: Số 01:2025/TPBS-MCM.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Mộc Châu, ngày 05 tháng 6 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Hải Nam

1.C.P
★
T.A

NỘI DUNG NHÃN SẢN PHẨM



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Hải Nam



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thái Duyệt, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 32320/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Phiếu này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số: 11574/PKN-VKNQG ngày 21 tháng 03 năm 2025

1. Tên mẫu: Thực phẩm bổ sung: Sữa dinh dưỡng MC Colos - Mộc Châu Milk
2. Mã số mẫu: 03252545/DV.1
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong bao bì kín. Số lượng: 20.
NSX: Không có - HSD: Không có.
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
6. Ngày nhận mẫu: 06/03/2025
7. Thời gian thử nghiệm: 06/03/2025 - 21/03/2025
8. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CP GIỐNG BÒ SỮA MỘC CHÂU
Địa chỉ: Số 912, đường Thảo Nguyên, phường Thảo Nguyên,
Thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La, Việt Nam
9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	Enterobacteriaceae	CFU/mL	ISO 21528-2:2017	KPH (LOD: 1)
9.2*	<i>Listeria monocytogenes</i>	CFU/mL	ISO 11290-2:2017	KPH (LOD: 1)
9.3*	Hàm lượng Carbohydrat	g/100mL	AOAC 986.25	8,01
9.4*	Hàm lượng Carbohydrate (không bao gồm Chất xơ)	g/100mL	AOAC 2020.07	7,97
9.5*	Hàm lượng Chất béo sữa	g/100mL	TCVN 6508:2011	3,83
9.6*	Hàm lượng Chất đạm	%	TCVN 8099-1:2015	3,36
9.7*	Hàm lượng Đường tổng số (Fructose, Glucose, Galactose, Sucrose, Maltose, Lactose)	g/100mL	NIFC.02.M.13 (HPLC-RID)	7,74
9.8*	Hàm lượng Vitamin A (Retinol)	IU/100mL	NIFC.02.M.21 (LC-MS/MS)	391
9.9*	Hàm lượng Vitamin D3 (Cholecalciferol)	IU/100mL	NIFC.02.M.21 (LC-MS/MS)	64,2
9.10*	Hàm lượng Vitamin K2 (Menaquinone-7)	µg/100mL	NIFC.02.M.23 (LC-MS/MS)	8,88
9.11	Năng lượng	kcal/100mL	NIFC.02.M.06	80,5
9.12*	Hàm lượng Aflatoxin M1	µg/kg	NIFC.04.M.032 (LC-MS/MS)	0,17
9.13*	Hàm lượng Melamin	mg/kg	NIFC.04.M.058 (2023) (Ref. ISO/TS 15495: 2010)	KPH (LOD: 0,05)
9.14*	Hàm lượng Arsenic	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,007)
9.15*	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004)
9.16*	Hàm lượng Calci	mg/100mL	AOAC 2011.14 (ICP-OES)	105
9.17*	Hàm lượng Chì	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004)
9.18*	Hàm lượng Kẽm	mg/100mL	AOAC 2011.14 (ICP-OES)	1,01
9.19*	Hàm lượng Natri	mg/100mL	AOAC 2011.14 (ICP-OES)	38,9
9.20*	Hàm lượng Seleni	µg/100mL	AOAC 2015.06 (ICP-MS)	3,98

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thái Duyệt, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải I, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.21*	Hàm lượng Stibi	mg/kg	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,010)
9.22*	Hàm lượng Thủy ngân	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004)
9.23*	Hàm lượng Aldrin	mg/kg	NIFC.04.M.229 (GC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,001)
9.24*	Hàm lượng Benzyl penicilin	µg/kg	NIFC.04.M.010 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5)
9.25*	Hàm lượng Clortetracyclin	µg/kg	NIFC.04.M.001 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 5,0)
9.26*	Hàm lượng Cyfluthrin	mg/kg	NIFC.04.M.229 (GC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,001)
9.27*	Hàm lượng DDT	mg/kg	NIFC.04.M.229 (GC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,001)
9.28*	Hàm lượng Dieldrin	mg/kg	NIFC.04.M.229 (GC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,001)
9.29*	Hàm lượng Dihydrostreptomycin	µg/kg	NIFC.04.M.003 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 15)
9.30*	Hàm lượng Endosulfan	mg/kg	NIFC.04.M.229 (GC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,001)
9.31*	Hàm lượng Gentamicin	µg/kg	NIFC.04.M.003 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 15)
9.32*	Hàm lượng Oxytetracyclin	µg/kg	NIFC.04.M.001 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 5,0)
9.33*	Hàm lượng Procaine Benzylpenicilin	µg/kg	NIFC.04.M.010 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5)
9.34*	Hàm lượng Spiramycin	µg/kg	NIFC.04.M.010 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 1,0)
9.35*	Hàm lượng Streptomycin	µg/kg	NIFC.04.M.003 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 15)
9.36*	Hàm lượng Tetracyclin	µg/kg	NIFC.04.M.001 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 5,0)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Năng lượng = Carbohydrat x 4 + Chất béo x 9 + Chất đạm x 4.

Đổi tên mẫu theo yêu cầu của nơi gửi mẫu

Hà Nội, ngày 23 tháng 06 năm 2025

KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



PGS. TS. Trần Cao Sơn